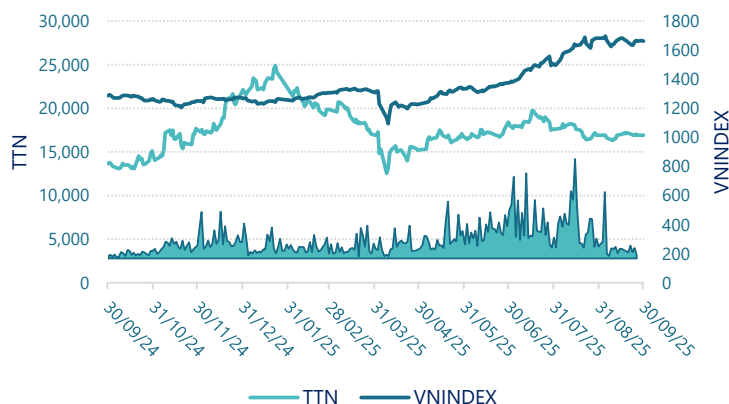


CTCP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam (UPCOM: TTN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	16,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,890
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,540
SL cổ phiếu LH	36,727,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	70,320
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	621
P/E	8.5
EPS	1,992

DT thuần

Q3/25

145

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.6 | 46.3%

YoY: ▲ 55.8 | 63.1%

LN sau thuế

Q3/25

22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.00 | 15.8%

YoY: ▲ 7.60 | 52.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

19.2%

+/- YoY: ▼ 1.4%

DT thuần

9T 2025

319

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 76.0 | 31.4%

LN sau thuế

9T 2025

58.8

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.5 | 27.0%

ROE

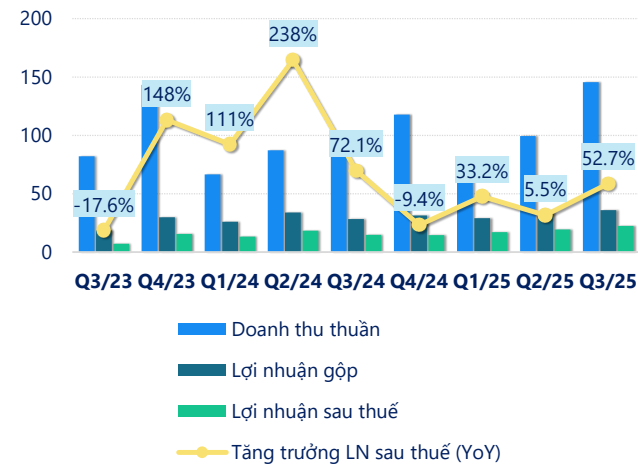
Q3/25

15.4%

+/- YoY: ▲ 1.5%

tỷ VNĐ

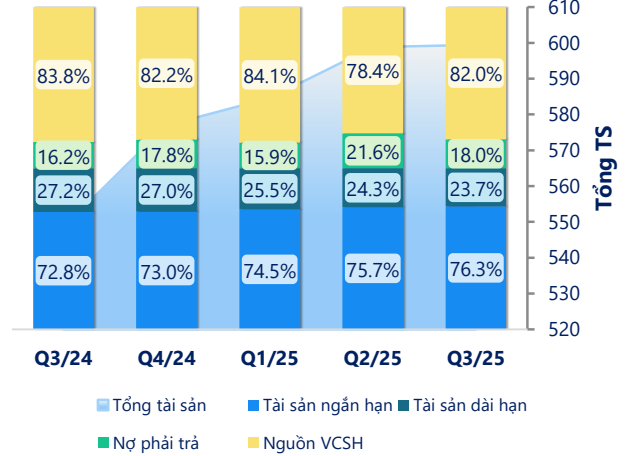
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

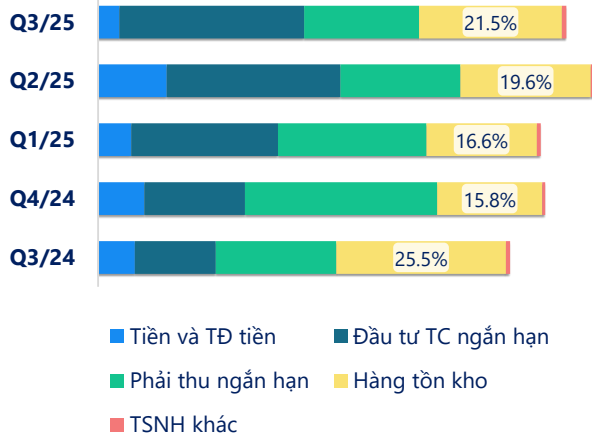
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



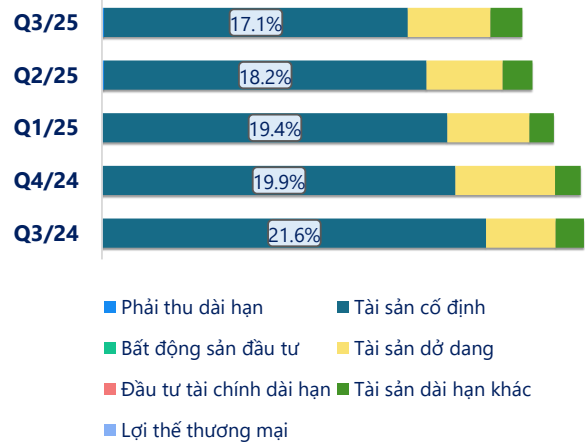
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

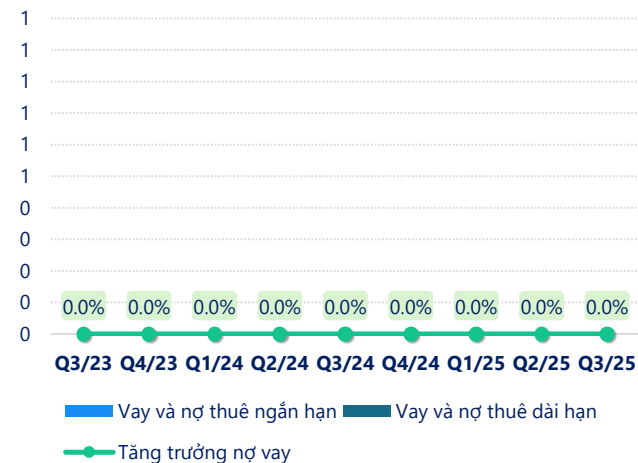
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

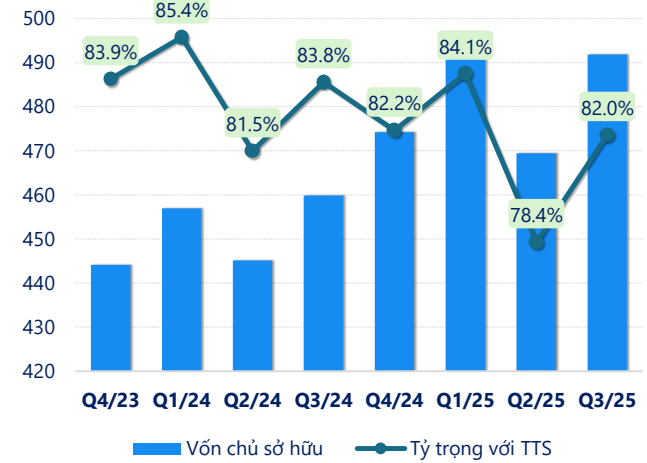
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

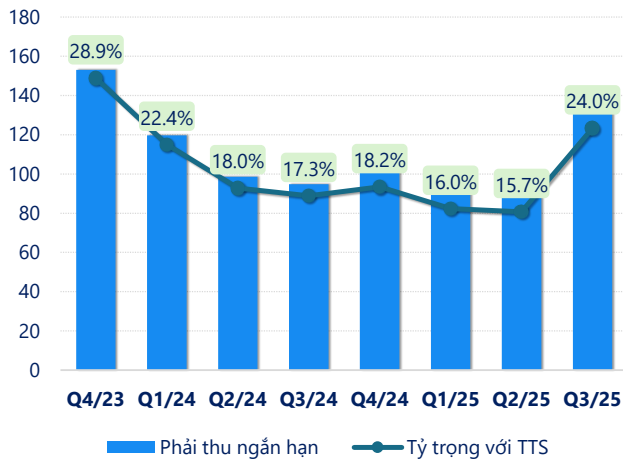
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



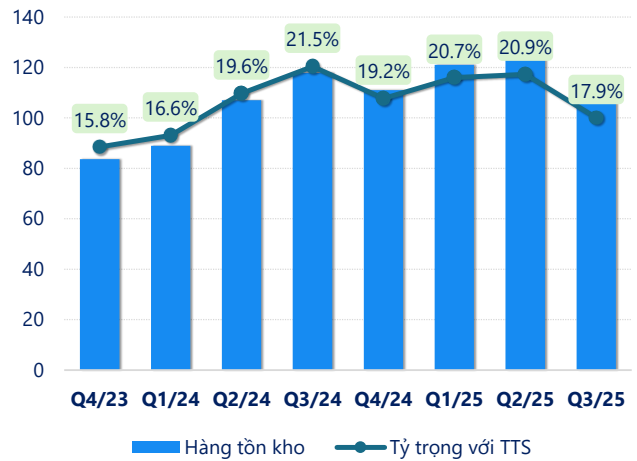
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


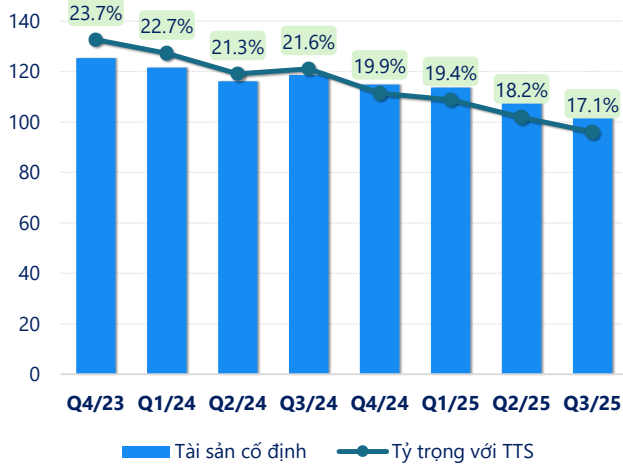
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


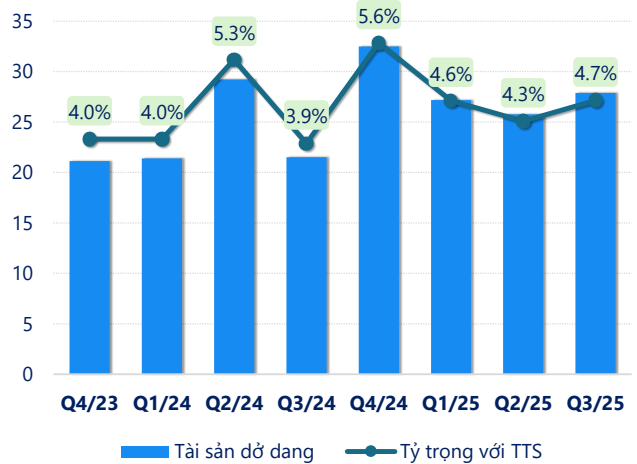
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

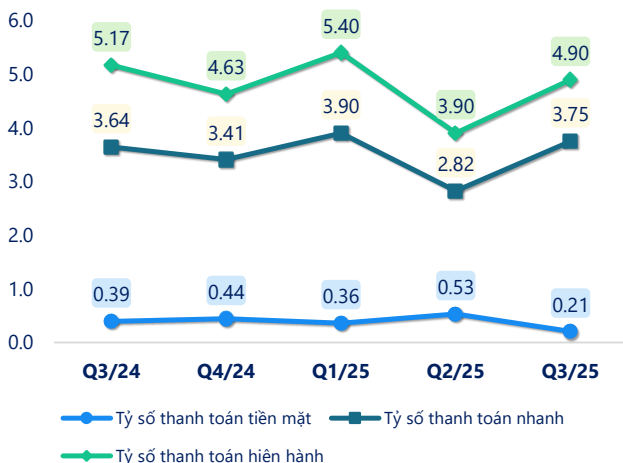
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

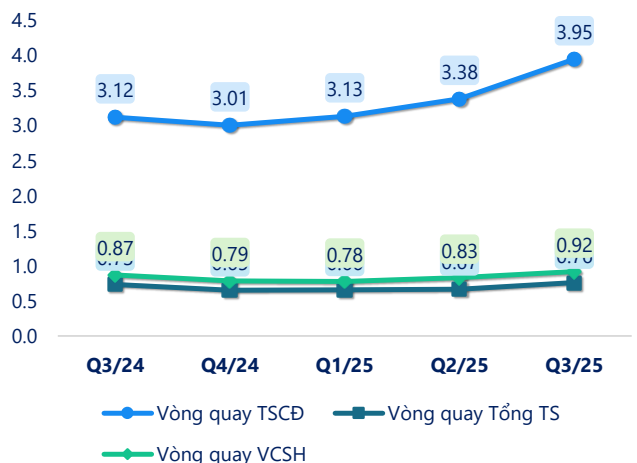
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	549	577	585	599	599
Tài sản ngắn hạn	399	421	436	453	457
Tiền và tương đương tiền	30.4	40.1	29.3	61.7	19.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	153	163	188	169	184
Phải thu ngắn hạn	94.8	105	93.6	94.0	144
Hàng tồn kho	118	111	121	125	107
Tài sản ngắn hạn khác	3.78	2.83	3.66	3.86	3.75
Tài sản dài hạn	149	156	149	145	142
Phải thu dài hạn	0.23	0.24	0.25	0.68	0.68
Tài sản cố định	119	115	114	109	103
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	21.5	32.5	27.2	25.7	27.9
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	8.75	8.25	7.99	10.0	10.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	88.7	103	92.8	129	108
Nợ ngắn hạn	77.3	91.0	80.6	116	93.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	21.7	35.8	26.7	29.8	30.7
Nợ dài hạn	11.4	11.7	12.1	13.2	14.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	460	474	492	469	492
Vốn chủ sở hữu	460	474	492	469	492
Vốn điều lệ	367	367	367	367	367
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)